

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85 /2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/10/2019
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, khu CT, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 10, tổ 9, khu XM, thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980 (đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, khu CT, thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 11, tổ 4, khu CT, thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/11/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM,

tỉnh Hà Tây (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhiều lần chị bỏ về nhà ngoại. Từ tháng 8 năm 2019, chị dọn đến ở nhờ nhà cô ruột tại khu XM, thị trấn XM, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 06/5/2002 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/11/2008; hiện hai cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M để anh T nuôi dưỡng cháu N. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2019, anh T xác nhận việc anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ). Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra xích mích. Nay chị P xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, nếu chị P nhất quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi kiểm tra chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 06/5/2002 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/11/2008; hiện hai cháu đang ở với anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N để chị P nuôi dưỡng cháu M, anh tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị P giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: chị xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trà M để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân N, chị xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và xử cho chị P được ly hôn anh Nguyễn Xuân T; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 06/5/2002 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/11/2008 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị P, anh T đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đang cư trú tại thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Xuân T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Nguyễn Xuân T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị P, anh T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Trước yêu cầu của chị P xin ly hôn, anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và vẫn còn tình cảm vợ chồng. Trường hợp chị P kiên quyết xin ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị P xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh T xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 06/5/2002 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/11/2008.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Nguyên vọng của hai cháu N và cháu M đã trên 07 tuổi: cháu N có nguyện vọng ở với bố, cháu M có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ. Chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M, anh T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Do vậy cần giao cháu M cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; giao cháu N cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị P, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P và anh T đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/11/2008 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 06/5/2002 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P, anh T đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004246 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi